

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Huy Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Quốc T, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Lê Hồng G, sinh năm 1985 (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Lâm Quốc T trình bày:

Bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P có hỏi vay tiền của ông Lâm Quốc T bằng nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 13/11/2021 âm lịch, bà G vay số tiền 30.000.000 đồng để lấy dầu cho tàu tải, có lập biên nhận, không quy định thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng.

Vào ngày 22/11/2021 âm lịch, bà G vay số tiền 60.000.000 đồng để đóng hụi và làm lộ vô nhà, có lập biên nhận, không quy định thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng.

Vào ngày 26/12/2021 âm lịch, bà G vay với số tiền 50.000.000 đồng để lấy dầu đi ghe và đóng hụi, có lập biên nhận, không quy định thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất 04%/tháng.

Vào ngày 11/01/2022 âm lịch, bà G vay với số tiền 30.000.000 đồng để lấy dầu đi ghe và đóng hụi, có lập biên nhận, không quy định thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng.

Vào ngày 08/02/2022 âm lịch, bà G vay với số tiền 30.000.000 đồng để lấy dầu đi ghe và đóng hụi, có lập biên nhận, không quy định thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng.

Vào ngày 09/4/2022 âm lịch, bà G vay với số tiền 30.000.000 đồng để lấy dầu đi ghe và đóng hụi, có lập biên nhận, không quy định thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng.

Tổng cộng là 230.000.000 đồng, các lần vay tiền đều có làm biên nhận do bà G trực tiếp nhận tiền, do bà G, ông P không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Ông T yêu cầu ông P, bà G trả số tiền 230.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn P trình bày:

Đối với số tiền bà G vay của ông T 230.000.000 đồng, ông không biết, do ông phải thường xuyên đi ghe biển, ông Cũng không nghe bà G báo lại và cũng không nghe ông T đòi nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông T. Ông P có biết bà G vợ ông có bề nợ và bỏ đi nhưng ông không biết cụ thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Quốc T, khởi kiện yêu cầu bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P trả tiền vay, xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Bà Lê Hồng G được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt bà G theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông T xác định bà G, ông P vay tiền của ông nhiều lần với tổng số tiền là 230.000.000 đồng, các lần đều có làm biên nhận do bà G làm và trực tiếp nhận tiền, trình bày của ông T đối chiếu với các biên nhận phù hợp với nhau. Mặt khác Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà G vắng mặt không lý do, như vậy mặt nhiên bà G thừa nhận có nợ ông T số tiền là 230.000.000 đồng.

Riêng ông P xác định ông không biết việc bà G vay tiền của ông T nên không đồng ý trả. Yêu cầu này là không có căn cứ, bởi vì ông P và bà G là vợ chồng, số tiền vay trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, đồng thời số tiền vay lớn thì ông P phải biết.

Do đó, yêu cầu của ông T yêu cầu ông P và bà G trả tiền là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Hồng G trả cho ông Lâm Quốc T số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của ông Lâm Quốc T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.750.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010704 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, ông T được nhận lại.

Án phí có giá ngạch bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P phải chịu là 230.000.000 đồng x 5% = 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quốc T về việc yêu cầu bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P trả tiền vay.

- Buộc bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P trả cho ông Lâm Quốc T số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Lâm Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì bà G và ông P còn

phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Lâm Quốc T không phải chịu án phí, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010704 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, ông T được nhận lại.

+ Án phí có giá ngạch bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn P phải chịu với số tiền là 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn